



HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
KHOA NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

❖ Tên học phần:	Tiếng Anh 4
Tiếng Việt:	Tiếng Anh 4
Tiếng Anh:	English 4
❖ Mã số học phần:	0101000089, 0108000089, 0111000089, 0102000089
❖ Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1 năm thứ 3
❖ Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
❖ Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức đại cương	
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☒ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp
❖ Số tín chỉ:	3 (3,0,6)
Số tiết lý thuyết/số buổi:	45
Số tiết thực hành/số buổi:	00
Số tiết tự học:	90
❖ Điều kiện tham dự học phần:	



Học phần tiên quyết:	Không
Học phần học trước:	Tiếng Anh 3
Điều kiện khác:	Không

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT [1]	Họ và tên [2]	Email [3]	Đơn vị công tác [4]
1.	Nguyễn Ngọc Minh Thư	thunnm@vaa.edu.vn	Khoa Ngoại Ngữ, HVHKVN
2.	Trần Phạm Minh Đức	ductpm@vaa.edu.vn	Khoa Ngoại Ngữ, HVHKVN
3.	Phan Tú Trinh	trinhpt@vaa.edu.vn	Khoa Ngoại Ngữ, HVHKVN
4.	Nguyễn Hoàng Quốc Thái	thainhq@vaa.edu.vn	Khoa Ngoại Ngữ, HVHKVN
5.	Lê Đình Hà My	myldh@vaa.edu.vn	Khoa Ngoại Ngữ, HVHKVN

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Tiếng Anh 4 là môn kỹ năng chung dành cho sinh viên không chuyên Anh. Đây là học phần cuối trong 4 học phần tiếng Anh nhằm cung cấp kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm tiếng Anh qua các ngữ liệu học tập đa dạng, sinh động, và giúp sinh viên phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp trong tình huống thông dụng.

Khóa học này gồm 5 bài từ bài 6 đến bài 10 của giáo trình Voices- Intermediate 1st edition, National Geographic Learning với các chủ đề thông dụng và thân thuộc trong cuộc sống như *Where I'm from*, *Balance*, *Essentials*, *Taking a break*, *The senses*. Mỗi bài học gồm có 5 phần. Phần A cung cấp kiến thức đầu vào phong phú qua các bài đọc kèm các kỹ năng đọc hiểu cũng như tư duy phản biện và cơ hội để sinh viên tương tác. Phần B đưa ra chủ điểm ngữ pháp thứ nhất trong ngữ cảnh kèm các bài tập đa dạng. Phần C phát triển kỹ năng nghe, từ vựng theo chủ đề và chủ điểm ngữ pháp thứ 2 ứng dụng trong giao tiếp. Phần D cung cấp ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong những tình huống liên văn hóa hay kỹ năng xã hội. Phần E phát triển kỹ năng viết qua từng bước giúp người học ứng dụng được từ vựng và ngữ pháp đã học. Trình độ sinh viên sau khi hoàn thành khóa học tiếng Anh 4 sẽ tương đương cấp độ trung cấp B1 theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR.

Quy định chuyển đổi điểm của học phần tiếng Anh 4 được căn cứ theo điều 1 quyết định số: 1072/QĐ-HVHKVN-Quyết định điều chỉnh quy định miễn, chuyển điểm các học phần tiếng Anh ngày 12/12/2022 theo bảng sau:

Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	English score
5				300-324	400-406	90-99				250-269
6				325-349	407-419	100-109				270-279
7	5			350-374	420-432	110-119	36-39			280-289
8	6	5		375-399	433-439	120-129	40-43	3.0	A2.1	290-299
9	7	6	5	400-424	440-442	130-139	44-47			300-309
10	8	7	6	425-449	443-449	140-149	48-51	3.5	A2.2	310-319
	9	8	7	450-474	450-471	150-159	52-55			320-329
	10	9	8	475-499	472-483	160-169	56-59	4.0	B1.1	330-339
		10	9	500-549	484-499	170-179	60-69	4.5		340-349
			10	≥ 550	≥ 500	≥ 180	≥ 70	≥ 5.0	≥ B1.2	≥ 350

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	TĐNL [4]
G1	Cung cấp kiến thức khá chuyên sâu về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trong những tình huống và đề tài có liên quan đến cuộc sống nhằm khuyến khích người học sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp có ý nghĩa; Cung cấp những kiến thức mới về địa điểm, văn hóa, cuộc sống, sinh hoạt xã hội, kiến thức du lịch của nhiều nơi trên thế giới, và cả khoa học não bộ.	K3	IV
G2	Phát triển cả bốn kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe, nói, đọc, viết; vận dụng thành thạo các chức năng ngôn ngữ nhằm thực hiện các mục tiêu giao tiếp trình độ trung cấp như: trình bày nói và viết để thể hiện và bảo vệ quan điểm dựa trên lập luận và tư duy, miêu tả địa điểm, lập kế hoạch du lịch, viết bài luận ưu khuyết, miêu tả thức ăn, kỳ nghỉ, kỉ niệm, thảo luận về việc mua sắm áo quần, viết blog,	S3	IV

	viết thư than phiền, v.v.		
G3	Nhấn mạnh tầm quan trọng của tiếng Anh như một công cụ giao tiếp mạnh mẽ trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, hợp tác nhóm, tinh thần chủ động tham gia các hoạt động giao tiếp. Phát triển kỹ năng sử dụng nhiều phương tiện, công cụ hỗ trợ khác cho việc học tiếng ngoài giờ học trên lớp như Internet, luyện tập online trên phần mềm, các chức năng và ứng dụng khác trên điện thoại thông minh.	A1	IV

5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Học xong học phần này sinh viên có thể đạt được

Mục tiêu học phần [1]	CĐR học phần [2]	Mô tả chuẩn đầu ra [3]	Trình độ năng lực [4]
	CLO1	Kiến thức	
G1	CLO1.1	Vận dụng thành thạo các cấu trúc câu, ngữ pháp, cách diễn đạt thông dụng, và hệ thống từ vựng liên quan đến các chủ đề đã học trong nói và viết tiếng Anh.	IV
	CLO1.2	Nhận diện và vận dụng các đặc điểm về phát âm và ngữ điệu tiếng Anh để nói đúng, hay và lưu loát các âm, từ, câu và hội thoại khi giao tiếp tiếng Anh.	IV
	CLO1.3	Vận dụng kiến thức và hiểu biết về địa điểm, văn hóa, xã hội, cuộc sống, du lịch của nhiều nơi trên thế giới, kiến thức về não bộ và giác quan, để liên hệ với thực tế cuộc sống của bản thân để thảo luận, trao đổi thông tin và trình bày ý kiến cá nhân hoặc nhóm.	IV
	CLO2	Kỹ năng	
G2	CLO2.1	Nghe hiểu, đọc hiểu và xác định được các ý chính trong các bài nghe, bài đọc về những chủ đề ở cấp độ trung cấp như nơi sống, địa danh, cân bằng cuộc sống, quản lý tài chính, tác hại của mua sắm quần áo với môi trường, thực phẩm, du lịch, nghỉ dưỡng, các giác quan con người, v.v.	IV
	CLO2.2	Giao tiếp thành thạo, thuyết trình bằng tiếng Anh	IV

		để bảo vệ quan điểm, thể hiện tư duy và lập luận về các chủ đề như địa danh, văn hóa, tài chính, cuộc sống, xã hội, du lịch, giác quan.	
	CLO2.3	Thực hiện viết bài văn hoặc thư/email để trình bày và bảo vệ quan điểm dựa trên lập luận và tư duy, miêu tả địa điểm, lập kế hoạch du lịch, viết bài luận ưu khuyết, miêu tả thức ăn, kỳ nghỉ, kỉ niệm, viết thư than phiền, viết blog, v.v.	IV
	CLO3	Mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
G3	CLO3.1	Hình thành được năng lực tự học, tự chủ, làm việc độc lập, đam mê học và luyện tập, biết tìm kiếm khai thác các học liệu bằng tiếng Anh trong và ngoài lớp học.	IV
	CLO3.2	Có khả năng làm việc nhóm trong giao tiếp, xử lý tình huống thông thường.	IV
	CLO3.3	Có khả năng hướng dẫn một nhóm làm việc để thực hiện dự án và giải quyết các tình huống.	IV

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

6.1. Phân bố thời gian tổng quát:

STT [1]	Tên chương /bài [2]	Phân bố thời gian (tiết/giờ) [3]					
		Lý Thuyết		Thí nghiệm/ thực hành/ thảo luận		Tự học	Tổng
		Trực tiếp	Trực tuyến	Trực tiếp	Trực tuyến		
1.	Course orientation	8	0	0	0	16	24
2.	Unit 6: Where I'm from	8	0	0	0	16	24
3.	Unit 7: Balance	8	0	0	0	16	24
4.	Unit 8: Essentials	8	0	0	0	16	24
5.	Unit 9: Taking a break	8	0	0	0	16	24
6.	Unit 10: The senses	4	0	0	0	8	12
7.	Revision	9	0	0	0	18	27
	Tổng	45	0	0	0	90	135

❖ Trong điều kiện bất khả kháng (dịch bệnh, thiên tai,..): Đề xuất phương thức dạy học trực tuyến 100% theo nội dung và kế hoạch giảng dạy như khi dạy học trực tiếp.

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy chi tiết của học phần

Tuần/ Buổi học [1] (4 TIẾT)	Nội dung [2]	CDR học phần [3]	Phương pháp dạy và học [4]	Phương thức đánh giá [5]
Tuần 1 (4 tiết)	COURSE ORIENTATION UNIT 6: WHERE I'M FROM Unit opener (optional) 6A: City life Reading: The world's second largest city? Speaking: Talk about gatherings. 6B: I've been living in Mexico Listening and grammar: National geographic explorers Present perfect continuous Pronunciation: Weak auxiliary verbs Speaking practice: Discussing living in a city or in the countryside. Working from home: advantages and disadvantages Self-study: Online practice: Vocabulary, Grammar, Reading, Listening	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	Đánh giá thường xuyên Thảo luận và giải quyết vấn đề Trình bày, thuyết trình Bài tập
Tuần 2 (4 tiết)	6C: I lived in a suburb Speaking: Talking about the living area. Vocabulary: Vocabulary about area facilities Listening: Childhood stories Grammar & Pronunciation: Describing movement	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp,	Đánh giá thường xuyên Thảo luận và giải quyết vấn đề Trình bày, thuyết trình

	Sounds /l/ and /r/ <u>6E: You're coming to my home town!</u> Speaking practice: Advantages and disadvantages of staying in an unfamiliar city Reading for writing: Travel plan <u>Self-study:</u> Writing task 6E: Writing an email about travel plan (VSTEP part 1-format and requirements) Online practice: Vocabulary, Grammar, Reading, Listening		nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	trình Bài tập
Tuần 3 (4 tiết)	<u>UNIT 7: BALANCE</u> <u>Unit opener (optional)</u> <u>7A: Balancing time</u> Reading: Work smarter, not harder Speaking practice: Balancing time Achieving life balance <u>7B: It's going to be a lot of fun</u> Listening and Grammar: The plan of getting away from work Talking about the future Speaking practice: Talking about leisure activities Talking about future plans and intentions. <u>Self-study:</u> Online practice:	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	Đánh giá thường xuyên Thảo luận và giải quyết vấn đề Trình bày, thuyết trình Bài tập

	Vocabulary, Grammar, Reading, Listening Homework: Listening, Reading VSTEP practice			
Tuần 4 (4 tiết)	7C: A balanced budget Speaking: Quotations about money Vocabulary and pronunciation: Vocabulary about money The letter /r/ Grammar: Verb patterns with infinitive or -ing Listening 7C: Podcasts about money Speaking practice: Talking about needs, luxuries and tips for saving money 7E. Pros and cons : Reading for writing: Essay about exercise videos Writing practice: A pro and cons essay Self-study: 7D. Understanding ways of processing information Homework: Writing task (VSTEP part 2): Writing a pros and cons essay Online practice: vocabulary, grammar, reading, listening	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	Đánh giá thường xuyên Thảo luận và giải quyết vấn đề Trình bày, thuyết trình Bài tập
Tuần 5 (4 tiết)	UNIT 8: ESSENTIALS Unit opener (optional) 8A. I really missed good coffee Speaking Reading: Hot showers and good coffee (Homework) 8B. Clothes that we don't	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2,	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi	Đánh giá thường xuyên Thảo luận và giải quyết vấn đề Trình bày,

	<u>need</u> Listening and grammar: Mary Gagen talking about the infographic Defining and non-defining relative clauses <u>Speaking practice</u> Talking about clothes, fast fashion <u>Self-study:</u> Online practice: vocabulary, grammar, reading, listening Homework: Listening, Reading VSTEP practice	CLO3.3	- Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	thuyết trình Bài tập
Tuần 6 (4 tiết)	<u>8C. Food that you can't live without</u> Speaking: Food you can't live without Listening: Talking about the food the speakers can't live without Vocabulary: Food Grammar: Comparatives Pronunciation: Saying /ɪ/ and /i:/ Speaking: Talking about food you like and dislike Self-study: 8D. Giving and receiving feedback 8E. Smiling is essential Writing task VSTEP part 1 Online practice: vocabulary, grammar, reading, listening	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	Đánh giá thường xuyên Thảo luận và giải quyết vấn đề Trình bày, thuyết trình Bài tập
Tuần 7 (4 tiết)	<u>UNIT 9: TAKING A BREAK</u> Unit opener (optional) <u>9A. Days off work</u>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1,	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo	Đánh giá thường xuyên Thảo luận

	Reading: Unlimited paid holiday? Speaking practice: The best way to give employees paid time off <u>9B. If I had known ...</u> Reading and Grammar: Gabby Salazar's holiday regrets (homework) Third conditional Pronunciation and speaking: Aspirated /p/, /t/ and /d/ Speaking practice: Talking about your holiday <u>Self-study:</u> Online practice: vocabulary, grammar, reading, listening <u>Homework:</u> Listening, Reading VSTEP practice	CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	và giải quyết vấn đề Trình bày, thuyết trình Bài tập
Tuần 8 (4 tiết)	<u>9C. I would just go camping</u> Speaking: Giving advice on holiday Listening: Holiday advice Grammar: Giving advice Vocabulary: Holiday Pronunciation: Consonant groups: inserting a short vowel Speaking practice: Talking about travel <u>9E. My stay was very unpleasant</u> Speaking: Talking about the time when you were dissatisfied and	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	Đánh giá thường xuyên Thảo luận và giải quyết vấn đề Trình bày, thuyết trình Bài tập

	complained about a product or service Reading for writing: Email of complaint Writing practice: Writing an email of complaint. <u>Self-study:</u> 9D. Dealing with unexpected behaviours Online practice: vocabulary, grammar, reading, listening <u>Homework:</u> Writing practice: Writing an email of complaint.			
Tuần 9 (4 tiết)	UNIT 10: THE SENSES Unit opener (optional) <u>10A. Most tastes of toast</u> Reading: The flavour of words (homework) Speaking: Shapes and brain functions <u>10B. Seeing blue</u> Listening and grammar: Colours, seeing and the brain. Passives <u>Speaking practice:</u> Talking about famous buildings <u>10C. The internet of senses</u> Vocabulary: Technology and the senses Listening and grammar: A conversation about technology and the senses Making predictions <u>Self-study:</u>	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày - Đánh giá kỹ năng nghe Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	Tham gia thảo luận và giải quyết vấn đề -Kiểm tra đánh giá

	Online practice: vocabulary, grammar, reading, listening Homework: Listening, Reading VSTEP practice			
Tuần 10 (4 tiết)	<u>REVISION FOR THE FINAL TEST</u> VSTEP practice Speaking, Writing, Listening, Reading	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời, thảo luận và trình bày Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Thảo luận theo cặp, nhóm - Trình bày ý kiến - Thuyết trình trước lớp - Làm bài tập rèn luyện	Tham gia thảo luận và giải quyết vấn đề
Tuần 11 (5 tiết)	<u>REVISION FOR THE FINAL TEST</u> VSTEP practice Speaking, Writing, Listening, Reading	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2 CLO2.3, CLO3.1 CLO3.2	Hoạt động của GV: - Truyền đạt kiến thức - Đặt câu hỏi yêu cầu sinh viên trả lời Hoạt động của SV: - Lắng nghe - Trả lời các câu hỏi - Làm bài tập rèn luyện	Giải quyết vấn đề Bài tập

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

– Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Thành phần đánh giá [1]	Nội dung đánh giá [2]	Thời điểm [3]	Phương thức đánh giá [4]	Tỷ lệ (%) [5]	CĐR học phần [6]
1. Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Suốt quá trình học	Điểm danh tham gia lớp (điều kiện để thi KTHP)	0%	CLO1.1-2 CLO2.1-2 CLO3.1-3

	Điểm giữa kỳ	Trong tuần dự trữ theo lịch Đào tạo	Kỹ năng nói (VSTEP) 3 nhiệm vụ theo thang điểm 10	25%	CLO1.1-3 CLO2.1-3 CLO3.1-2
2. Đánh giá cuối kỳ	Kỹ năng Nghe (VSTEP)	Sau khi kết thúc học phần	Trắc nghiệm	25%	CLO1.1-3 CLO2.1-3 CLO3.1-3
	Kỹ năng Đọc (VSTEP)	Sau khi kết thúc học phần	Trắc nghiệm	25%	CLO1.1-3 CLO2.1-3 CLO3.1-3
	Kỹ năng Viết (VSTEP)	Sau khi kết thúc học phần	Tự luận	25%	CLO1.1-3 CLO2.1-3 CLO3.1-3

- Sinh viên sau khi hoàn tất học phần tiếng Anh 4 sẽ thi 4 bài thi tương đương 4 kỹ năng với tỷ lệ và cách tính điểm thi như sau:

KỸ NĂNG	SỐ CÂU	CÁCH TÍNH ĐIỂM	TỶ LỆ ĐIỂM
Nghe	35 câu hỏi	Tổng điểm: 35 điểm sau đó quy đổi theo thang điểm 10	25%
Đọc	40 câu hỏi	Tổng điểm: 40 điểm sau đó quy đổi theo thang điểm 10	25%
Viết	2 câu hỏi	Tổng điểm: 30 điểm sau đó quy đổi theo thang điểm 10	25%
Nói	3 nhiệm vụ	Tổng điểm: 10 điểm theo thang điểm 10	25%

- Kỹ năng Nói lấy vào cột điểm quá trình chiếm 25% tổng điểm
- Ba kỹ năng Nghe, Đọc, Viết mỗi kỹ năng chiếm 25% và lấy điểm vào ba cột điểm cuối kỳ.
- Việc chấm điểm các kỹ năng thực hiện theo đánh giá chi tiết tại Quyết định 730/QĐ-BGDĐT ngày 11/03/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 Ban hành Định dạng đề thi theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:
- + Các kỹ năng thi Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá dựa trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0.5 điểm.
- Điểm trung bình của bốn bài thi Nghe, Nói, Đọc, Viết theo chuẩn VSTEP quy theo bậc năng lực được dùng để xem xét đủ điều kiện tiếng Anh trong Chuẩn đầu ra. Điểm trung

bình này được thể hiện trong cột điểm tổng kết số 1 và được quy đổi thành điểm tổng kết học phần Tiếng Anh 4 trong cột điểm tổng kết số 2 với quy ước chuyển đổi theo bảng sau:

Điểm trung bình của 4 kỹ năng (theo VSTEP)	Điểm KTHP Tiếng Anh 4	Ghi chú
1.0	1.0	Không đạt điểm KTHP Tiếng Anh 4 và điểm xét VSTEP tương đương B1 (từ 0 đến 3.7 điểm, điểm thể hiện tương tự trong cột điểm tổng kết số 2)
1.5	1.5	
2.0	2.0	
2.5	2.5	
3.0	3.0	
3.5	3.5	
4.0	4.0	Điểm trung bình 4 kỹ năng theo VSTEP: 3.8, 3.9, 4.0, 4.1, 4.2 làm tròn là 4.0
4.5	6.0	Điểm trung bình 4 kỹ năng theo VSTEP: 4.3, 4.4, 4.5, 4.6, 4.7 làm tròn là 4.5
5.0	8.0	Điểm trung bình 4 kỹ năng theo VSTEP: 4.8, 4.9, 5.0, 5.1, 5.2 làm tròn là 5.0
Từ 5.5 trở lên	10	Điểm trung bình 4 kỹ năng theo VSTEP: 5.3, 5.4 làm tròn là 5.5

- SV vắng từ 1 bài thi trở lên trong bốn kỹ năng hoặc có ít nhất một bài được 0 điểm thi không được công nhận đạt học phần Tiếng Anh 4 và đạt chuẩn đầu ra.

8. NGUỒN HỌC LIỆU

8.1. Sách, giáo trình chính

[1.] Chong, C. S. & Lansford, L. (2022). *Voices Intermediate Student's book*. National Geographic Learning.

8.2. Tài liệu tham khảo

[1.] Murphy, R. (2012). *English Grammar in Use*. Cambridge: Cambridge University Press.

[2.] Redman, S. (2011). *English Vocabulary in Use, 3rd edition*. Cambridge: Cambridge University Press.

[3.] Hughes, J., Stephenson, H, & Dummett, P. (2018). *Life, Vietnam edition*. Kentucky: Cengage Learning.

[4.] Liz, J. & Soars, J. (2010). *American Headway*. (2nd ed). Oxford: Oxford University Press.

8.3. Trang web hữu ích:



<http://www.englishclub.com>
<http://owl.english.purdue.edu>
<https://www.englishinlevels.com>
<http://www.english-friends.net>
<http://www.easyenglish.com>
<https://www.dictionary.com>
<https://www.oxfordlearnersdictionaries.com>
<http://www.ipl.org>
<http://www.esl-lab.com>
<https://www.ted.com>
<https://video.mochidemy.com>
<http://www.manythings.org/voa/scripts/>
<http://iteslj.org/links/ESL/Speaking/>
<http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/>

8.4. Ứng dụng hữu ích:

Hello Talk

ELSA Speak

Duolingo

Podcast

8.5. Tài liệu giảng dạy của giảng viên:

- ☐ Slide bài giảng
- ☐ Hướng dẫn thí nghiệm, thực hành
- ☐ Phần mềm mô phỏng
- ☐ Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập và kiểm tra, đánh giá

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Sinh viên có nhiệm vụ:

- Tham dự trên 80% giờ học lý thuyết
- Chủ động lên kế hoạch học tập:
- + Đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp hoặc yêu cầu
- + Ôn tập các nội dung đã học; tự kiểm tra kiến thức bằng cách làm các bài trắc nghiệm kiểm tra hoặc bài tập được cung cấp
- Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, vấn đáp trên lớp
- Hoàn thành đầy đủ, trung thực và sáng tạo các bài tập theo yêu cầu
- Dự kiểm tra trên lớp và thi cuối học phần.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- **Phạm vi áp dụng:** Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên ngữ tại Học viện HKVN từ khóa 2022.
- **Giảng viên:** Sử dụng đề cương học phần này làm cơ sở phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra;
- **Sinh viên:** Sử dụng đề cương học phần này làm cơ sở để biết các thông tin về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi;



- **Phương pháp giảng dạy và học tập:** Phụ lục A: Ma trận phương pháp giảng dạy – học tập trong Chương trình dạy học (áp dụng tại HVHKVN từ năm học 2019);
- Đề cương chi tiết học phần được ban hành kèm theo chương trình đào tạo và công bố đến các bên liên quan theo quy định.

11. PHÊ DUYỆT

☐ Phê duyệt lần đầu

☐ Phê duyệt bản cập nhật lần thứ:

Ngày phê duyệt: 22/12/2023

Phụ trách khoa

Phụ trách bộ môn

Giảng viên

TS. Nguyễn Thị Như Diệp Ths. Nguyễn Ngọc Minh Thư

**Ths. Nguyễn Hạnh Minh
Ths. Nguyễn Ngọc Minh Thư
(chỉnh sửa 12-2023)**